TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 5 - 2018
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn Chiến** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Anh Đoan**

2. Ông **Võ Thái Quân**

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông **Phạm Minh Cảnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Hữu Đức** - Kiểm sát viên**.**

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Hôn nhân gia đình – Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1978

HKTT: Tổ 5, ấp Phú H, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang

Tạm trú: Số nhà 05, tổ 11, ấp Phú Th B, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn Tr**, sinh năm 1978

Nơi cư trú: : tổ 5, ấp Phú H, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị Bé Tcó mặt, anh Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày: Hôn nhân giữa chị và anh Huỳnh Văn Tr do mai mối sau đó được cha mẹ hai bên tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú X. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Tr ham chơi cờ bạc không

lo cho gia đình, chị T đã nhiều lần khuyên nhưng anh Tr vẫn không sửa đổi, vợ chồng thường xuyên cải vã và anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn Tr.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 đứa con chung tên Huỳnh Văn Q, sinh ngày 06/01/2001 hiện đang sống với anh Tr và Huỳnh Văn T, sinh ngày 06/7/2005 hiện đang sống với chị Bé T. Khi ly hôn chị Bé T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và đồng ý giao cháu Q cho anh Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra chị Nguyễn Thị Bé T trình bày hiện nay do cháu Huỳnh Văn Q đang sống với anh Tr từ khi anh chị ly thân cho đến nay không rõ ở đâu, do đó cháu Q không cung cấp lời khai cho Tòa án được.

+ Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: không có

- Bị đơn anh Huỳnh Văn T: Đã được tống đạt, niên yết các văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên anh Tr vắng mặt từ khi được thông báo các văn bản tố tụng, nhưng anh không có mặt là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị Bé T và anh Tr được xác lập trên cơ sở do mai mối, tự nguyện, cha mẹ hai bên đều đồng ý và có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do anh Tr ham chơi cờ bạc không lo cho gia đình, chị T đã nhiều lần khuyên nhưng anh Tr vẫn không sửa đổi, vợ chồng thường xuyên cải vã và anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Bé T về xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Anh chị có 02 đứa con chung tên Huỳnh Văn Q, sinh ngày 06/01/2001 hiện đang sống với anh Tr và Huỳnh Văn T, sinh ngày 06/7/2005 hiện đang sống với chị Bé T. Khi ly hôn chị Bé T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và đồng ý giao cháu Q cho anh Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng nuôi con, nghĩ cũng phù hợp đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản không có tranh chấp nên không giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Anh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập trên cơ sở do mai mối, tự nguyện, cha mẹ hai bên đều đồng ý và có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do anh Tr ham chơi cờ bạc không lo cho gia đình, chị T đã nhiều lần khuyên nhưng anh Tr vẫn không sửa đổi, vợ chồng thường xuyên cải vã và anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, thời gian ly thân anh, chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Bé T yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh chị có 02 đứa con chung tên Huỳnh Văn Q, sinh ngày 06/01/2001 hiện đang sống với anh Tr và Huỳnh Văn T, sinh ngày 06/7/2005 hiện đang sống với chị Bé T. Theo quy định của pháp luật phải làm việc với cháu Q nhưng do hiện nay cháu Q đang sống với anh Tr không rõ ở đâu nên không tiến hành làm việc được, theo trình bày của chị Bé T cháu Q đã sống ổn định với anh Tr từ năm 2012 cho đến nay, khi ly hôn chị Bé T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và đồng ý giao cháu Q cho anh Tr được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hiện cháu T đang sống với chị Bé T và cháu Q đang sống ổn định với anh Tr và nguyện vọng cháu T muốn sống với mẹ, để ổn định cuộc sống cho các cháu, nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị Bé T, anh Tr khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Bé T, anh Tr phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3]Về án phí: Chị Bé T là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Anh Tr không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé T đối với anh Huỳnh Văn Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Huỳnh Văn Tr.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Văn T, sinh ngày 06/7/2005 cho chị Bé T được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Huỳnh Văn Q, sinh ngày 06/01/2001 cho anh Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Huỳnh Văn Tr phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh, chị đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con sau khi ly hôn. Không ai được cản trở chị Bé T, anh Tr thực hiện quyền này.

+ Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

- Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016314 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Huỳnh Văn Tr không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Riêng anh Huỳnh Văn Tr có quyền kháng cáo kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sư, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.
- Lưu TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Văn Chiến